|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  VIỆT NAM ¯¯¯¯¯¯**DỰ THẢO****NGÀY 03/07/2018** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯*Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT**

**Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2014/TT-NHNN ngày 11 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam**

**I. Sự cần thiết ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 19:**

**1. Một số kết quả đạt được của Thông tư 19:**

Thông tư 19 có hiệu lực thi hành từ ngày 22/9/2014 hướng dẫn Pháp lệnh Ngoại hối, Pháp lệnh Ngoại hối sửa đổi và Nghị định 70/2014/NĐ-CP về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Thông tư đã quy định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh trong việc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại một tổ chức tín dụng (TCTD) được phép để thực hiện dự án đầu tư trực tiếp tại Việt Nam nhằm tạo điều kiện giám sát, quản lý dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam một cách hiệu quả. Thông tư cũng quy định cụ thể về việc sử dụng vốn, thu nhập và nguồn thu hợp pháp của nhà đầu tư nước ngoài, việc chuyển vốn đầu tư trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đầu tư trực tiếp dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam.

Thông tư 19 được ban hành đã đạt được một số kết quả trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài như sau:

- Tạo khuôn khổ pháp lý hoàn thiện và đầy đủ hơn điều chỉnh hoạt động đầu tư nước ngoài của nhà đầu tư trong và ngoài nước; đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật quản lý ngoại hối và pháp luật đầu tư.

- Tăng cường sự quản lý của nhà nước đối với hoạt động đầu tư, đồng thời đảm bảo phù hợp với lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và lộ trình tự do hóa giao dịch vốn nói riêng của Việt Nam; đảm bảo việc quản lý, giám sát các giao dịch chuyển vốn vào/ra liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam, thống kê số liệu thực tế về dòng vốn đầu tư trực tiếp bằng tiền vào/ra Việt Nam thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp FDI mở tại TCTD, làm cơ sở để xây dựng cán cân thanh toán quốc tế theo thông lệ quốc tế, phục vụ kịp thời cho việc xây dựng giải pháp, hoạch định chính sách quản lý phù hợp.

- Góp phần tích cực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đơn giản hoá thủ tục đầu tư, tạo sân chơi bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

**2. Vướng mắc trong quá trình thực thi Thông tư 19:**

Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư 19, đặc biệt sau khi Luật Đầu tư 2014 và Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực thi hành, đã phát sinh một số vướng mắc, bất cập, cụ thể như sau:

**2.1. Vướng mắc liên quan đến xác định hình thức đầu tư, đối tượng mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp:**

**a) Khó khăn trong việc xác định hình thức đầu tư và loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):**

Luật Đầu tư 2014 không còn sử dụng khái niệm “*đầu tư trực tiếp*”, “*đầu tư gián tiếp*” để phân biệt tính chất, hình thức đầu tư mà chỉ quy định cụ thể các hình thức đầu tư tại Việt Nam (bao gồm: thành lập tổ chức kinh tế, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế, hợp đồng hợp tác công tư - PPP, hợp đồng hợp tác kinh doanh - BCC); đồng thời Luật Đầu tư 2014 cũng chỉ sử dụng khái niệm “*đầu tư*” chung và “*tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*”. Trong khi đó Pháp lệnh Ngoại hối, Pháp lệnh Ngoại hối sửa đổi, Nghị định 70 và Thông tư 19 (ban hành trước Luật Đầu tư 2014) vẫn quy định khái niệm: “*đầu tư trực tiếp nước ngoài*”, “*đầu tư gián tiếp nước ngoài*”, “*doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài*”, “*tài khoản vốn đầu tư trực tiếp*”, “*tài khoản vốn đầu tư gián tiếp*”,...

Việc không thống nhất trong các tiêu chí xác định hình thức đầu tư (trực tiếp/gián tiếp) dẫn đến khó khăn cho NĐTNN, doanh nghiệp, TCTD trong việc xác định doanh nghiệp FDI, đối tượng thực hiện đầu tư trực tiếp nước ngoài, đối tượng phải mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tài khoản sử dụng để chuyển vốn vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam,... Đồng thời, gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý, giám sát hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam theo đúng tính chất đầu tư.

**b) Vướng mắc về đối tượng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (GCNĐKĐT) và đối tượng phải mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp (TKVĐTTT):**

- Luật Đầu tư 2014 quy định:

+ “*GCNĐKĐT là văn bản, bản điện tử ghi nhận thông tin đăng ký của nhà đầu tư về dự án đầu tư*” (khoản 6 Điều 3).

+ Các trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐT bao gồm: a) Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài và b) Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này (khoản 1 Điều 36).

+ Về nội dung GCNĐKĐT, Luật Đầu tư 2014 chỉ quy định các nội dung liên quan đến dự án đầu tư và nhà đầu tư; không có quy định về nội dung doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư (Điều 39).

Như vậy, theo pháp luật về đầu tư, GCNĐKĐT được cơ quan quản lý đầu tư có thẩm quyền cấp cho dự án đầu tư và nhà đầu tư, không cấp cho doanh nghiệp FDI thực hiện dự án.

- Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư 19:

+ Doanh nghiệp FDI và NĐTNN tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh mở TKVĐTTT để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam (khoản 1 Điều 6).

+ Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp này phải thực hiện mở TKVĐTTT và tuân thủ các quy định tại Thông tư này (khoản 1 Điều 11).

Như vậy, theo quy định của pháp luật quản lý ngoại hối, đối tượng phải mở TKVĐTTT là doanh nghiệp FDI, tuy nhiên đây không phải là đối tượng được cấp GCNĐKĐT. Do đó, các nội dung này tại Thông tư 19 hiện không còn phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư 2014.

**2.2. Vướng mắc liên quan đến hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế:**

**a) Khó xác định đối tượng phải mở TKVĐTTT để thực hiện đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế:**

Nhiều trường hợp NĐTNN đầu tư trực tiếp vào Việt Nam dưới hình thức mua cổ phần hoặc góp vốn để tham gia quản lý hoạt động đầu tư tại Việt Nam không thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐT theo quy định của pháp luật về đầu tư. Điều này dẫn tới khó khăn trong việc xác định loại tài khoản (tài khoản vốn đầu tư trực tiếp hay tài khoản vốn đầu tư gián tiếp) cho từng hình thức đầu tư để hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện. Cụ thể:

- Khoản 2 Điều 36 Luật Đầu tư 2014 quy định đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế không phải thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐT. Nhà đầu tư chỉ phải thực hiện *thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp* vào tổ chức kinh tế trong các trường hợp: (i) Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; (ii) Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế. Sau khi nhà đầu tư nước ngoài làm thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, cơ quan quản lý đầu tư có văn bản thông báo (không phải GCNĐKĐT) chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài đủ điều kiện góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam.

- Như vậy, doanh nghiệp/tổ chức kinh tế được góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp theo pháp luật đầu tư không được mở TKVĐTTT căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư 19 do không thuộc các trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐT dù có là nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 51% vốn điều lệ doanh nghiệp. Bất cập này dẫn tới việc không quản lý, giám sát đầy đủ được hình thức đầu tư này; đồng thời làm sai lệch thông tin về dòng vốn đầu tư trực tiếp, gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

**b) Thông tư 19 chưa quy định cụ thể các giao dịch chuyển nhượng vốn góp phải thực hiện thông qua TKVĐTTT:**

- Một số đơn vị đã đề nghị NHNN hướng dẫn về tài khoản sử dụng để thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp, góp vốn, mua cổ phần giữa người không cư trú với người không cư trú, giữa người không cư trú và người cư trú (hoặc ngược lại) trong doanh nghiệp Việt Nam.

- Trong quá trình tiếp nhận, giải đáp vướng mắc, NHNN đã hướng dẫn các đối tượng liên quan về việc sử dụng tài khoản để thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp, góp vốn, mua cổ phần trong doanh nghiệp FDI trong từng trường hợp cụ thể theo hướng:

+ Trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp giữa 02 người không cư trú hoặc chuyển nhượng phần vốn góp giữa 02 người cư trú không phải thực hiện qua TKVĐTTT.

+ Trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp giữa người không cư trú và người cư trú (hoặc ngược lại) phải thực hiện thông qua TKVĐTTT do các giao dịch này thuộc “giao dịch vốn” căn cứ quy định tại Pháp lệnh Ngoại hối sửa đổi.

Trên cơ sở đó, để đảm bảo cơ sở pháp lý rõ ràng cho các đối tượng liên quan thực hiện, cần nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể tại Thông tư 19 về các giao dịch chuyển nhượng góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp phải thực hiện qua TKVĐTTT.

**c) Thông tư 19 chưa quy định rõ về đồng tiền sử dụng để định giá, thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư, góp vốn, mua cổ phần:**

Trong quá trình hướng dẫn thực hiện Thông tư 19, NHNN nhận được nhiều kiến nghị của doanh nghiệp, NĐTNN và các đối tượng liên quan đề nghị hướng dẫn về đồng tiền sử dụng để định giá, thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp, góp vốn, mua cổ phần giữa người không cư trú với người không cư trú, giữa người không cư trú và người cư trú (hoặc ngược lại).

- Thực tế, việc chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư giữa 02 người không cư trú trong doanh nghiệp FDI và trong dự án BCC chỉ dẫn đến việc thay đổi chủ sở hữu vốn, không làm thay đổi vốn đầu tư trong doanh nghiệp FDI, dự án BCC; đồng thời không làm thay đổi, ảnh hưởng đến tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam.

- Trên cơ sở thực tiễn nêu trên, cần nghiên cứu, bổ sung quy định tại Thông tư 19 về việc định giá, thanh toán giá trị chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư giữa 02 người không cư trú trong doanh nghiệp FDI và dự án BCC được thực hiện bằng ngoại tệ. Quy định này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NĐTNN (người không cư trú) trong việc chuyển tiền, thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư (rút gọn thủ tục chuyển tiền, tránh rủi ro về tỷ giá cho NĐTNN do phải chuyển đổi ngoại tệ 02 lần).

**2.3. Vướng mắc liên quan đến trình tự, thủ tục góp vốn, điều chỉnh vốn góp đầu tư, vốn điều lệ trong doanh nghiệp:**

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 19, “nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được thực hiện góp vốn đầu tư bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam theo mức vốn quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư”. Như vậy, theo quy định về quản lý ngoại hối, doanh nghiệp FDI phải được cấp GCNĐKĐT hoặc GCNĐKĐT điều chỉnh trước khi chuyển tiền vốn góp đầu tư, vốn góp điều chỉnh vì GCNĐKĐT là cơ sở để TCTD thực hiện chuyển tiền.

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Luật Doanh nghiệp 2014, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ, công ty phải thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh. Theo quy định này, NĐTNN phải hoàn thành việc chuyển tiền góp vốn, điều chỉnh vốn góp, vốn điều lệ rồi mới tiến hành thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp 2014.

Vướng mắc trên xuất phát từ quy định hiện hành về khái niệm vốn đầu tư, vốn điều lệ, trình tự thực hiện thủ tục tăng/giảm vốn đầu tư và vốn điều lệ tại Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp chưa rõ ràng và không thống nhất. Điều đó dẫn đến sự khác biệt giữa Luật Doanh nghiệp và Thông tư 19/2014/TT-NHNN về trình tự chuyển tiền góp vốn và thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư, kinh doanh, gây khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp FDI trong việc tuân thủ đồng thời quy định tại khoản 4 Điều 68 Luật Doanh nghiệp và quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 19 nêu trên.

Trên cơ sở đó, cần bổ sung quy định về trình tự thực hiện trong trường hợp thay đổi vốn đầu tư, vốn điều lệ để thực hiện dự án đầu tư mới hoặc để mở rộng dự án đầu tư nhằm đảm bảo rõ ràng, có cơ sở cho các doanh nghiệp thực hiện.

**2.4. Vướng mắc liên quan đến việc chuyển vốn vào Việt Nam để đáp ứng các chi phí cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư:**

- Trước Thông tư 19, pháp luật về quản lý ngoại hối không có quy định về việc cho phép NĐTNN chuyển tiền vào Việt Nam trước khi được cấp GCNĐKĐT. Thông tư 19 được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ về việc chuyển tiền phục vụ hình thành dự án đầu tư, theo đó cho phép NĐTNN được chuyển tiền vào Việt Nam đáp ứng các chi phí hợp pháp cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, một số đơn vị đề nghị hướng dẫn xử lý, giải đáp các vấn đề liên quan đến việc chuyển tiền từ nước ngoài để đáp ứng các chi phí hợp pháp cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư trong các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Cụ thể:

+ Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư vào Việt Nam, các nhà đầu tư có nhu cầu chuyển một số chi phí như: tiền đặt cọc, ký quỹ giữ chỗ thuê đất, tiền bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ, các chi phí mua hàng hóa, dịch vụ, lao động,… trả cho bên cung cấp tại Việt Nam. Theo quy định tại Điều 10 Thông tư 19, để chuyển các chi phí cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư, NĐTNN phải mở một tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của mình tại ngân hàng được phép tại Việt Nam để chuyển tiền từ tài khoản này cho bên cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, thủ tục mở tài khoản thanh toán của người không cư trú tại Việt Nam không đơn giản, qua nhiều công đoạn và tốn nhiều thời gian, chi phí, sẽ làm mất cơ hội của NĐTNN, làm hạn chế việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ NĐTNN cũng gặp một số vướng mắc trong việc hoàn trả ra nước ngoài đối với số tiền đã chuyển vào Việt Nam để chuẩn bị đầu tư, xác nhận số tiền đã chuyển vào thành vốn góp của NĐTNN tại doanh nghiệp FDI, chuyển thành khoản vay nước ngoài,… Điều này gây khó khăn cho các NĐTNN khi triển khai dự án như hoàn thuế, ghi nhận góp đủ vốn...

- Để giảm bớt thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo công tác quản lý ngoại hối, tạo môi trường đầu tư thông thoáng nhằm tăng thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, các nhà đầu tư và một số chính quyền địa phương kiến nghị cho phép NĐTNN được chuyển các chi phí trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (tiền đặt cọc thuê đất…) trực tiếp từ nước ngoài vào tài khoản thanh toán của bên cung cấp dịch vụ tại Việt Nam, không phải thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của NĐTNN mở tại TCTD trong nước.

***Xuất phát từ tình hình thực tế nêu trên***, ***việc xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 19 là cần thiết nhằm:*** (i) Tạo sự đồng bộ, thống nhất với các quy định liên quan tại pháp luật về đầu tư, về doanh nghiệp; (ii) Đảm bảo cơ sở pháp lý giải quyết kịp thời các vướng mắc, bất cập phát sinh như được đề cập ở trên; (iii) Tạo điều kiện thuận lợi hơn đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, đảm bảo thực hiện mục tiêu “cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh” của Chính phủ nêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2018.

**II. Định hướng xây dựng Thông tư:**

Các vướng mắc, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến Thông tư 19 chủ yếu xuất phát từ sự không thống nhất giữa quy định tại Luật Đầu tư 2014, Luật Doanh nghiệp 2014 và quy định về quản lý ngoại hối (Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh Ngoại hối) do các Pháp lệnh này được xây dựng và ban hành căn cứ trên Luật Đầu tư 2005 và Luật Doanh nghiệp 2005.

Vì vậy, việc xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 19 chưa thể giải quyết triệt để các vướng mắc liên quan đến các quy định gốc tại Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh Ngoại hối. Trước mắt, dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 19 tập trung xử lý, tháo gỡ các vướng mắc, bất cập liên quan đến quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Trên cơ sở đó, dự thảo Thông tư được xây dựng theo các định hướng sau:

1. Sửa đổi một số quy định tại Thông tư 19 để phù hợp với quy định pháp luật về đầu tư và giải quyết các vướng mắc nổi cộm hiện nay của TCTD, doanh nghiệp, bao gồm các nội dung về việc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, chuyển tiền cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

2. Bổ sung, quy định rõ hơn một số nội dung chưa được quy định tại Thông tư 19 để các TCTD, tổ chức, cá nhân có cơ sở triển khai trong thực tế, bao gồm các nội dung về tài khoản, đồng tiền sử dụng để thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp.

**III. Một số nội dung chính tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 19:**

**1. Sửa đổi khái niệm “Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài”** nhằm giải quyết vướng mắc trong việc xác định rõ hình thức đầu tư và loại hình doanh nghiệp, theo đó “Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài” gồm:

*(i) Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông, trong đó nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;*

*(ii) Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài;*

*(iii) Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế;*

*(iv) Doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư nước ngoài thành lập để thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư.*

**2. Bổ sung quy định cụ thể các đối tượng phải mở TKVĐTTT** bao gồm:

*(i) Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;*

*(ii) Nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư (sau đây gọi là nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP).*

Liên quan đến đối tượng phải mở TKVĐTTT, Pháp lệnh Ngoại hối quy định về nguyên tắc đối tượng mở TKVĐTTT gồm doanh nghiệp FDI và NĐTNN tham gia hợp đồng BCC.

- *Về doanh nghiệp FDI*: Dự thảo Thông tư đã quy định cụ thể khái niệm “Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài”.

- *Về “Nhà đầu tư nước ngoài*”: Căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 3 Luật Đầu tư: “Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam”, dự thảo Thông tư đã chỉnh sửa khái niệm “Nhà đầu tư nước ngoài” phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư.

- *Về đối tượng mở TKVĐTTT để thực hiện hợp đồng PPP*: Theo quy định trước đây (tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP quy định về đầu tư theo hình thức PPP), NĐTNN tham gia hợp đồng PPP phải làm thủ tục đăng ký đầu tư và phải thành lập doanh nghiệp dự án; doanh nghiệp dự án này chính là doanh nghiệp FDI và phải mở TKVĐTTT theo quy định tại Thông tư 19. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 15/2015/NĐ-CP), NĐTNN tham gia hợp đồng PPP không phải làm thủ tục đăng ký đầu tư. Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT hoặc dự án nhóm C, nhà đầu tư quyết định thành lập doanh nghiệp dự án hoặc trực tiếp thực hiện dự án. Như vậy, về bản chất, NĐTNN trực tiếp thực hiện dự án PPP là thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam, do đó, cần bổ sung vào đối tượng phải mở TKVĐTTT.

Như vậy, việc quy định cụ thể về doanh nghiệp FDI và các đối tượng phải mở TKVĐTTT (doanh nghiệp FDI, NĐTNN tham gia hợp đồng BCC, NĐTNN trực tiếp thực hiện hợp đồng PPP) như nêu trên đã giải quyết được vướng mắc của TCTD, doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo phù hợp với nguyên tắc quy định tại Pháp lệnh Ngoại hối, pháp luật về đầu tư và đầu tư theo hình thức PPP quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

**3. Sửa đổi, bổ sung các nguyên tắc chung về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam:**

- Nhà đầu tư nước ngoài được chuyển tiền từ nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư.

- Để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, các đối tượng theo quy định phải mở TKVĐTTT bằng ngoại tệ, bằng đồng Việt Nam tại 01 ngân hàng được phép.

- Nhà đầu tư nước ngoài được chuyển tiền từ nước ngoài hoặc từ các nguồn thu hợp pháp tại Việt Nam vào TKVĐTTT để góp vốn thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam. Việc chuyển tiền phải được thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản.

- Các nội dung liên quan đến các khoản vay nước ngoài ngắn, trung và dài hạn của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý ngoại hối về vay, trả nợ nước ngoài.

- Nhà đầu tư nước ngoài được sử dụng lợi nhuận được chia và các nguồn thu hợp pháp bằng đồng Việt Nam, bằng ngoại tệ từ hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam để tăng vốn, mở rộng hoạt động đầu tư, thực hiện dự án đầu tư mới, hoặc thực hiện hoạt động đầu tư khác tại Việt Nam phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

- Nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài vốn, lợi nhuận, thu nhập hợp pháp liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài được sử dụng các nguồn thu hợp pháp bằng đồng Việt Nam từ hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam để mua ngoại tệ tại TCTD được phép và chuyển ra nước ngoài trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày mua được ngoại tệ.

**4. Sửa đổi, bổ sung quy định về việc chuyển tiền thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư:**

**- *Về việc chuyển tiền chuẩn bị đầu tư***: NĐTNN được chuyển tiền từ nước ngoài hoặc từ tài khoản của nhà đầu tư mở tại ngân hàng được phép tại Việt Nam vào tài khoản thanh toán của bên cung ứng hàng hóa, dịch vụ hoặc của cơ quan có thẩm quyền để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên liên quan;

***- Về xử lý khoản tiền đã chuyển vào Việt Nam***: Khoản tiền của nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư được phép:

(i) Chuyển một phần hoặc toàn bộ thành vốn góp;

(ii) Chuyển một phần hoặc toàn bộ thành vốn vay nước ngoài;

(iii) Chuyển trả lại một phần hoặc toàn bộ cho nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp các bên liên quan có thỏa thuận về việc không ghi nhận khoản tiền chuyển trước đầu tư vào vốn góp hoặc vốn vay. Việc chuyển trả chỉ được thực hiện sau khi nhà đầu tư nước ngoài đã góp đủ mức vốn quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế.

**5. Sửa đổi, bổ sung quy định về góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, điều chỉnh tăng vốn góp, vốn điều lệ:**

Dự thảo Thông tư quy định nội dung liên quan đến trình tự thay đổi vốn đầu tư, vốn điều lệ để thực hiện dự án đầu tư mới hoặc để mở rộng dự án đầu tư như sau:

*- Thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào doanh nghiệp và/hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;*

*- Thực hiện việc chuyển tiền điều chỉnh vốn đầu tư căn cứ theo mức vốn tại văn bản thông báo chấp thuận đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp hoặc tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc tại hợp đồng PPP đã ký kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối;*

*- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.*

**6. Sửa đổi, bổ sung quy định về tài khoản và đồng tiền sử dụng trong giao dịch chuyển nhượng vốn đầu tư, dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế:**

Trên cơ sở các hướng dẫn xử lý thực tế, để đảm bảo cơ sở pháp lý rõ ràng cho các đối tượng liên quan thực hiện, dự thảo Thông tư bổ sung quy định về tài khoản và đồng tiền sử dụng để thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế như sau:

*- Về tài khoản:*

+ Trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp giữa 02 người không cư trú hoặc chuyển nhượng phần vốn góp giữa 02 người cư trú không phải thực hiện qua TKVĐTTT.

+ Trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp giữa người không cư trú và người cư trú (hoặc ngược lại) phải thực hiện thông qua TKVĐTTT.

+ Việc thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế không phải doanh nghiệp FDI thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư gián tiếp theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý ngoại hối.

*- Về đồng tiền:*

+ Việc định giá, thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp, mua cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế giữa hai người không cư trú với nhau được thực hiện bằng ngoại tệ vì:về nguyên tắc, Thông tư 19 cho phép TKVĐTTT của doanh nghiệp FDI được nhận tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp bằng ngoại tệ và được chi trả ngoại tệ cho nhà đầu tư để thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp. Đồng thời, quy định về việc sử dụng tài khoản thanh toán giữa hai người không cư trú (Thông tư 16/2014/TT-NHNN) cũng như quy định về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ (Thông tư 32/2013/TT-NHNN) cho phép hai người không cư trú được chuyển khoản bằng ngoại tệ cho nhau. Do đó, căn cứ Thông tư 19, Thông tư 16 và Thông tư 32 thì giao dịch thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp giữa hai người không cư trú trên lãnh thổ Việt Nam được phép sử dụng ngoại tệ.

+ Việc định giá, thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp, mua cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế giữa người cư trú và người không cư trú phải thực hiện bằng đồng Việt Nam theo quy định về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ.

**7. Về điều khoản chuyển tiếp và sửa đổi quy định liên quan tại Thông tư 05/2014/TT-NHNN:**

Do quy định về đối tượng mở TKVĐTTT tại dự thảo Thông tư đã mở rộng hơn so với quy định tại Thông tư 19 để xử lý các vướng mắc về đối tượng mở TKVĐTT, do đó, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Thông tư:

- Quy định chuyển tiếp đối với trường hợp đầu tư trực tiếp dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhưng không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài ***đã*** mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp: yêu cầu các trường hợp này phải thực hiện mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp trong vòng 90 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực;

- Sửa đổi một số nội dung tại Thông tư 05/2014/TT-NHNN hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để đảm bảo thống nhất với quy định tại dự thảo Thông tư về xác định hình thức đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế mà NĐTNN nắm dưới 51% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế là hình thức đầu tư gián tiếp. Cụ thể:

*Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 6 Điều 5 của Thông tư số 05/2014/TT-NHNN ngày 12 tháng 4 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài như sau:*

*1. Góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài vào tổ chức kinh tế chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế .*

*2. Góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài vào tổ chức kinh tế trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM) và thị trường chứng khoán niêm yết dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế.*

*6. Góp vốn, chuyển nhượng vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trong các quỹ đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về chứng khoán”.*

**8. Các nội dung khác:**

Ngoài các nội dung lớn nêu trên, dự thảo Thông tư đã rà soát, chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Rà soát, quy định rõ hơn về một số giao dịch thu, chi thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp.

- Rà soát, quy định rõ hơn về việc chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài của NĐTNN trong trường hợp: (i) chuyển lợi nhuận, thu nhập hợp pháp thường xuyên; (ii) giảm vốn điều lệ, giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc khi giảm vốn đầu tư, kết thúc, thanh lý, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và hợp đồng BCC theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Một số chỉnh sửa kỹ thuật về từ ngữ để đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy định tại Luật Đầu tư 2014 và Luật Doanh nghiệp 2014.

Trên đây là các nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2014/TT-NHNN ngày 11 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Tổ soạn thảo rất mong nhận được sự tham gia góp ý của các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân đối với nội dung dự thảo Thông tư. Ý kiến tham gia đề nghị gửi về Vụ Quản lý ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (47 - 49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội) hoặc qua email: phongdautu@sbv.gov.vn.